Bớt đi: phép trừ



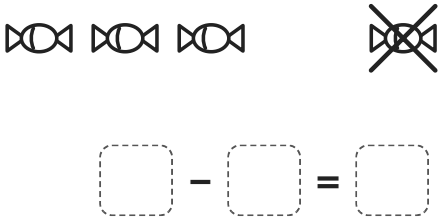
Tên bé: ..... Ngày: .....

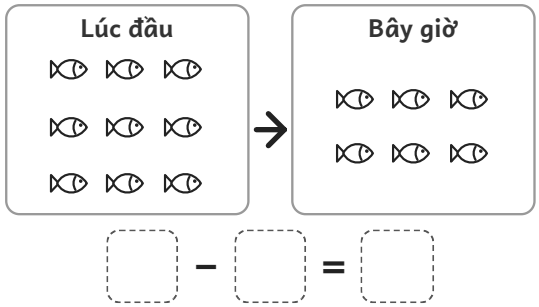
Bố mẹ đọc trước:

- Phép trừ là bớt đi: có 6 con cá, 2 con bơi đi, còn lại 4 con. Viết 6 − 2 = 4 và đọc "sáu trừ hai bằng bốn".
- Số đầu tiên là cả nhóm lúc đầu, số sau dấu trừ là phần bớt đi, số sau dấu bằng là phần còn lại.
- Khi con viết một số, hỏi con số ấy đếm những vật nào và cho con chỉ vào chúng.

1 Đếm rồi viết phép trừ.

Vật bị gạch là vật đã đi mất. Viết số lúc đầu, rồi số đi mất, rồi số còn lại.





2 Số có mũi tên đếm những vật nào? Khoanh chúng.



7 − 2 = 5



7 − 4 = 3



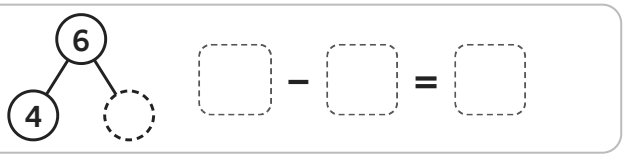
7 − 6 = 1

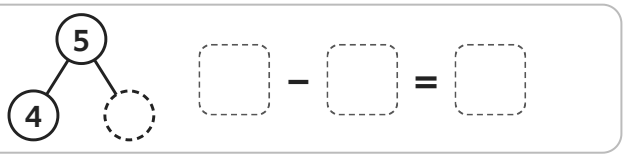


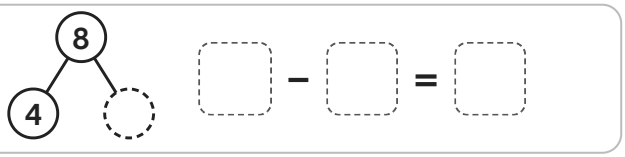
5 − 4 = 1

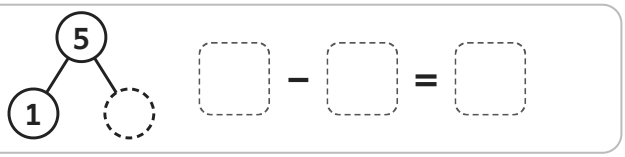
3 Nhìn sơ đồ, viết phép trừ.

Vòng trống là phần con phải tìm.









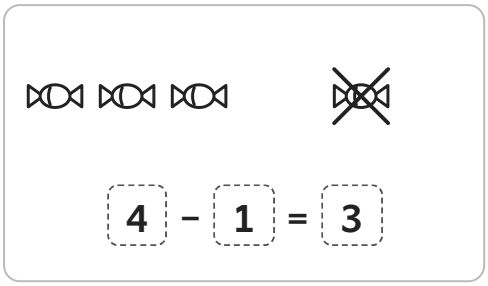
Dành cho phụ huynh: luyện tiếp bài này trong app Open Math

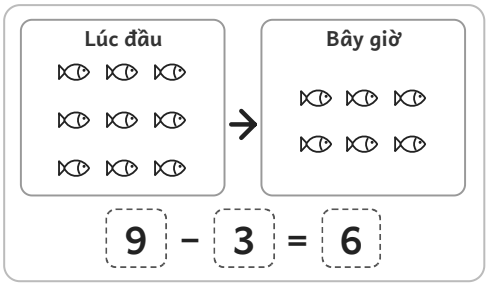
Quét mã bằng camera điện thoại, hoặc mở openmath.phucnt.org

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

Đáp án và mẹo cho bố mẹ

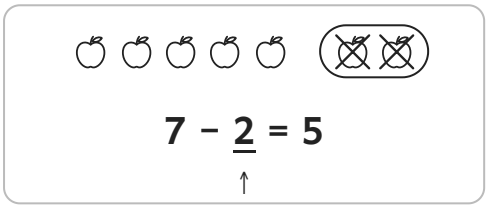
1 **Đếm rồi viết phép trừ.**

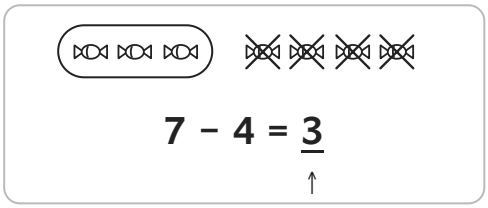


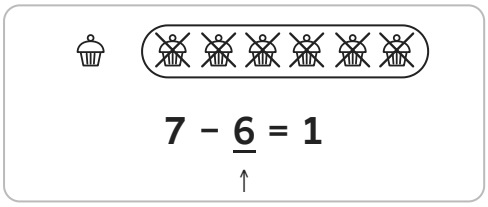


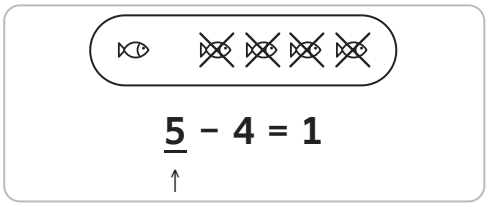
Khi con làm sai: Con viết sai một số: chấm bút chì lên từng vật của nhóm ấy và đếm lại cùng con. Con viết cả nhóm sai chỗ: vẽ sơ đồ tách gộp, chỉ cho con cả nhóm luôn đứng đầu phép trừ.

2 **Số có mũi tên đếm những vật nào? Khoanh chúng.**



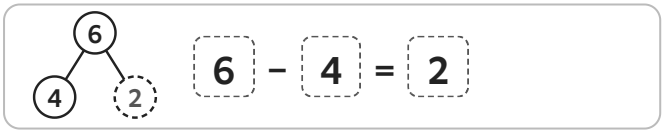


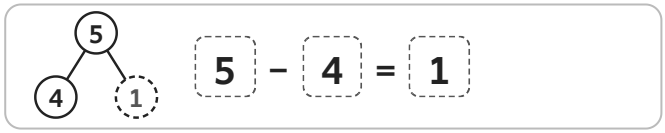


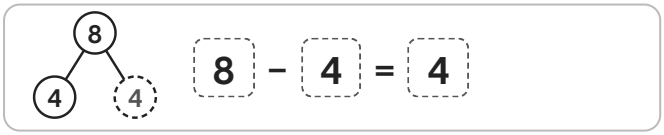


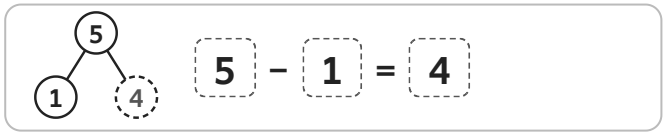
Khi con làm sai: Nói số ấy đếm gì, ví dụ "4 là 4 con cá còn lại", rồi chỉ vào từng con cá còn lại và đếm cùng con. Số đứng đầu đếm tất cả, kể cả vật bị gạch.

3 **Nhìn sơ đồ, viết phép trừ.**









Khi con làm sai: Chỉ vòng cả nhóm trên sơ đồ và ô đầu tiên của phép trừ: hai chỗ này cùng một số. Ô sau dấu bằng sai: xếp que tính bằng cả nhóm, bỏ ra phần đã biết, đếm số que còn lại.

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

Tìm phần kia



Tên bé: ..... Ngày: .....

Bố mẹ đọc trước:

- Biết cả nhóm và một phần thì tìm được phần kia bằng phép trừ: có 7 quả, 3 quả có chấm, vậy 7 − 3 = 4 quả không có chấm.
- Lấy tay che phần đã biết rồi đếm những vật còn thấy: đó là phần kia.
- Cả nhóm luôn viết đầu tiên, phần đã biết viết sau dấu trừ.

1 Bố mẹ đọc bài, con viết phép trừ.

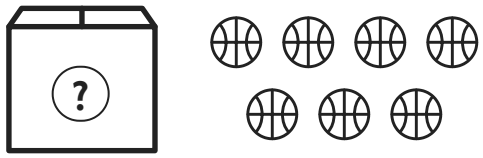
Bố mẹ đọc: Có 6 quả táo, trong đó có 2 quả có chấm. Có mấy quả táo không có chấm?



□ − □ = □

Có □ quả táo không có chấm.

Bố mẹ đọc: Có tất cả 8 quả bóng. Ngoài hộp có 7 quả. Trong hộp có mấy quả?

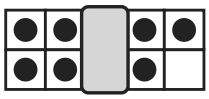


□ − □ = □

Trong hộp có □ quả bóng.

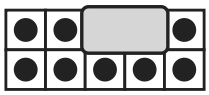
2 Dưới tấm thẻ có mấy chấm?

Đếm chấm con thấy, rồi viết phép trừ để tìm số chấm dưới thẻ.



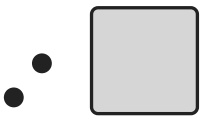
Có tất cả **9** chấm.

9 − □ = □



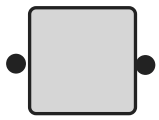
Có tất cả **10** chấm.

10 − □ = □



Có tất cả **9** chấm.

9 − □ = □



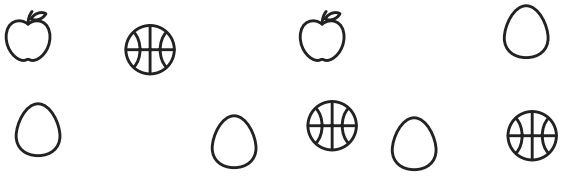
Có tất cả **4** chấm.

4 − □ = □

3 Che từng loại quả, viết phép trừ.

Mỗi phép trừ che một loại khác nhau.

Bố mẹ đọc: Có 9 quả: quả bóng, quả táo và quả trứng. Lấy tay che các quả bóng, đếm số quả còn lại. Rồi che từng loại khác.



9 − □ = □

9 − □ = □

9 − □ = □

Dành cho phụ huynh: luyện tiếp bài này trong app Open Math

Quét mã bằng camera điện thoại, hoặc mở openmath.phucnt.org

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

Đáp án và mẹo cho bố mẹ

① Bố mẹ đọc bài, con viết phép trừ.

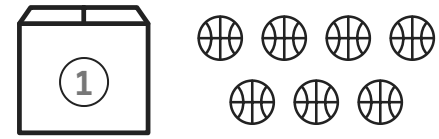
Bố mẹ đọc: Có 6 quả táo, trong đó có 2 quả có chấm. Có mấy quả táo không có chấm?



6 − 2 = 4

Có 4 quả táo không có chấm.

Bố mẹ đọc: Có tất cả 8 quả bóng. Ngoài hộp có 7 quả. Trong hộp có mấy quả?

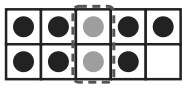


8 − 7 = 1

Trong hộp có 1 quả bóng.

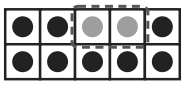
Khi con làm sai: Lấy bàn tay che phần đã biết, cho con đếm những vật còn thấy. Rồi vẽ sơ đồ tách gộp và chỉ từng số đi xuống phép trừ: cả nhóm trước, phần đã biết sau.

② Dưới tấm thẻ có mấy chấm?



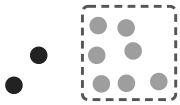
Có tất cả **9** chấm.

9 − 7 = 2



Có tất cả **10** chấm.

10 − 8 = 2



Có tất cả **9** chấm.

9 − 2 = 7



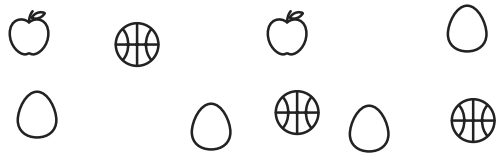
Có tất cả **4** chấm.

4 − 2 = 2

Khi con làm sai: Xếp đủ số hạt hay nắp chai theo hình, lấy một mẩu giấy che đúng chỗ tấm thẻ, rồi nhấc giấy lên chậm cho con đếm các hạt bên dưới. Sau đó đếm hết từ đầu để thấy hai phần gộp lại đủ số đã cho.

③ Che từng loại quả, viết phép trừ.

Bố mẹ đọc: Có 9 quả: quả bóng, quả táo và quả trứng. Lấy tay che các quả bóng, đếm số quả còn lại. Rồi che từng loại khác.



9 − 3 = 6

9 − 2 = 7

9 − 4 = 5

Khi con làm sai: Để tay bố mẹ che loại quả đã đếm trên hình, cho con đếm những quả còn thấy. Che xong một loại thì chuyển sang loại khác. Con viết các phép trừ theo thứ tự nào cũng được.

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

Đếm lùi



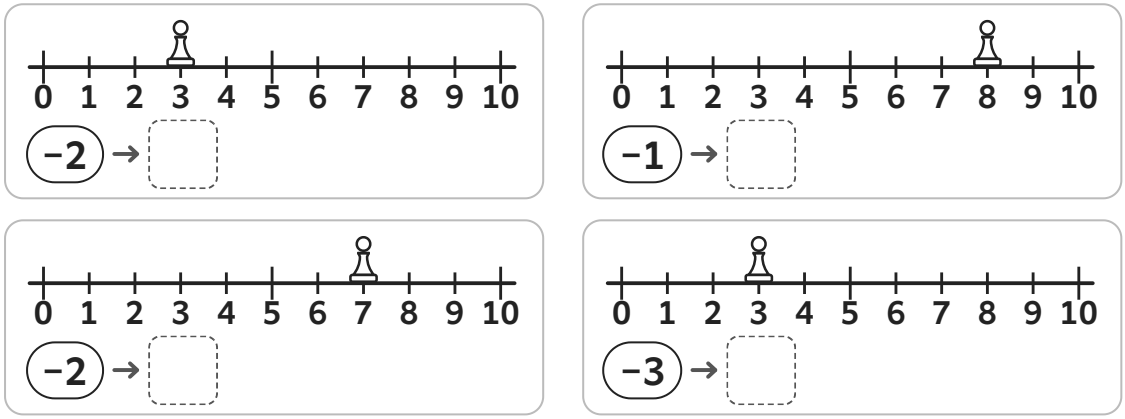
Tên bé: ..... Ngày: .....

Bố mẹ đọc trước:

- Đếm lùi là cách trừ khi bớt ít: 7 − 2, nghĩ "7" rồi đếm lùi hai bước "6, 5". Không đếm ô đang đứng.
- Khi hai số ở gần nhau thì đếm tiếp nhanh hơn: 9 − 7, từ 7 đếm tiếp "8, 9", hai bước, nên 9 − 7 = 2.
- Đếm lùi thì số cần tìm là ô dừng lại; đếm tiếp thì số cần tìm là số bước.

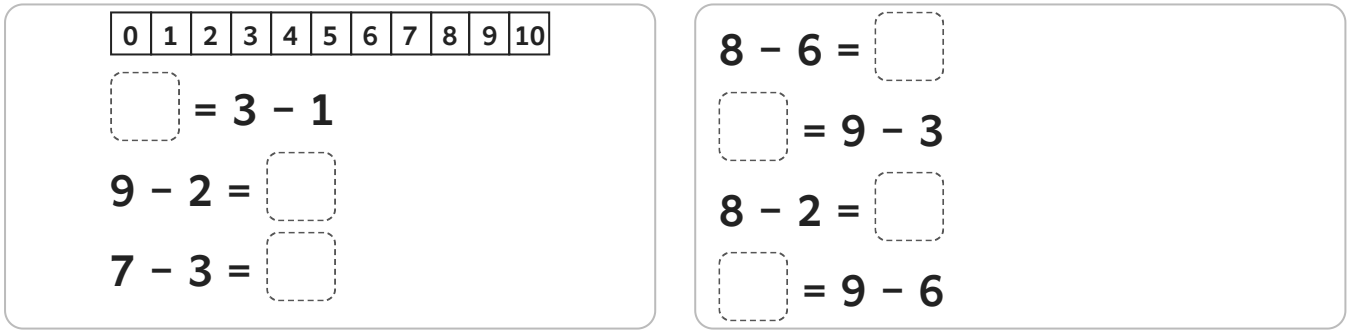
1 Nhảy lùi trên dải số. Viết số quân cờ dừng lại.

Mỗi lần nhảy sang trái một ô.



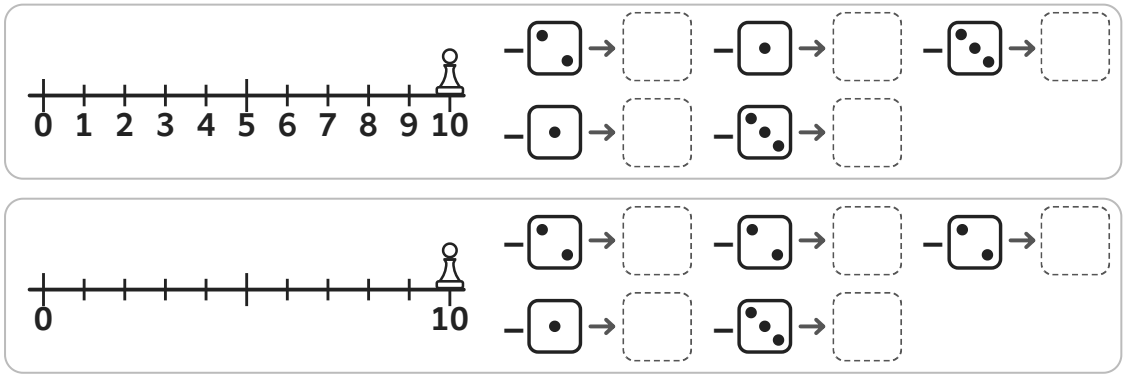
2 Đếm lùi hay đếm tiếp? Chọn cách ít bước rồi điền.

Khung bên trái có dải số để đếm. Khung bên phải con đếm trong đầu.



3 Đưa về 0. Viết số quân cờ dừng lại sau mỗi lượt.

Mỗi lượt lùi theo số chấm trên xúc xắc, đi tiếp từ ô vừa đến.



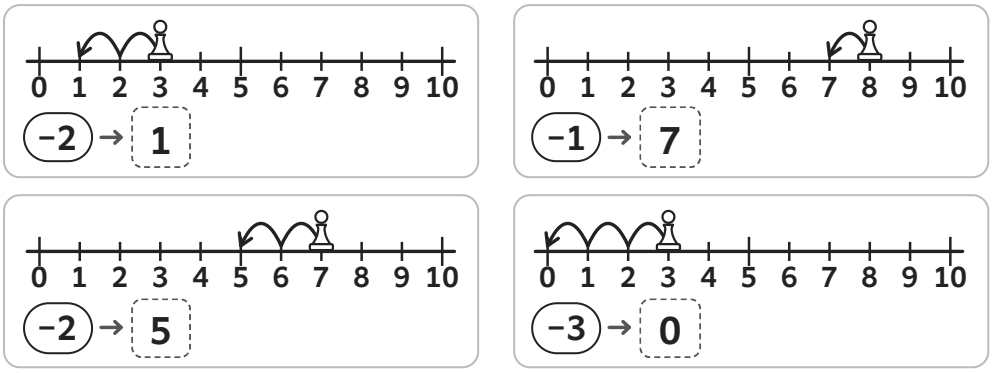
Dành cho phụ huynh: luyện tiếp bài này trong app Open Math

Quét mã bằng camera điện thoại, hoặc mở openmath.phucnt.org

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

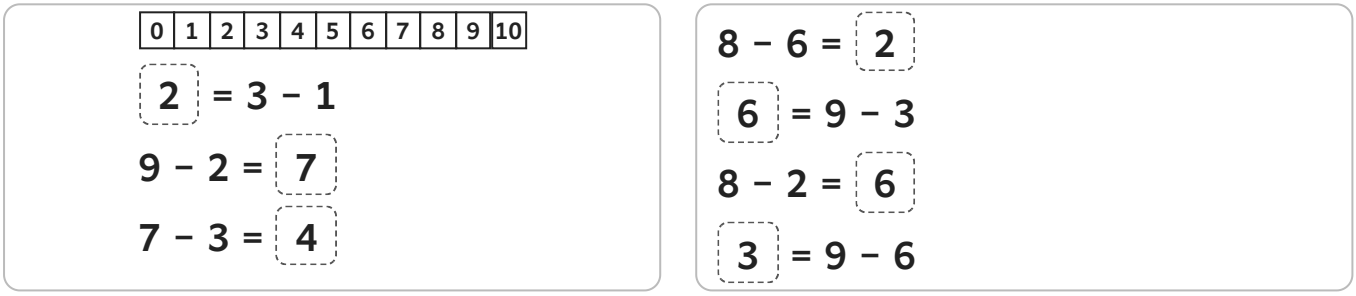
Đáp án và mẹo cho bố mẹ

1 **Nhảy lùi trên dải số. Viết số quân cờ dừng lại.**



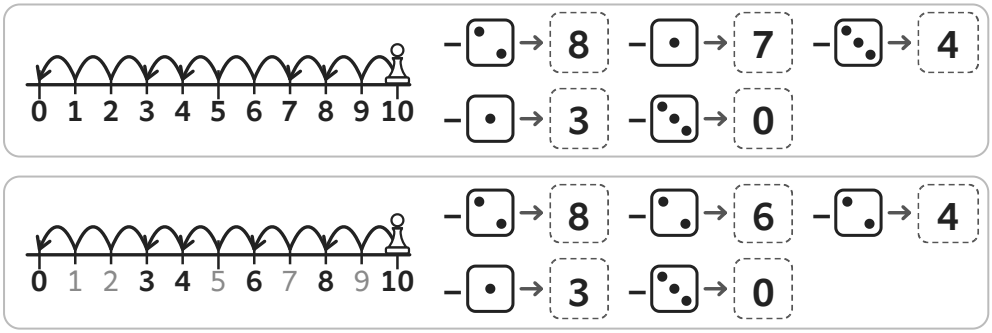
Khi con làm sai: Con nhảy thừa hay thiếu bước: nhắc con "bớt hai thì nhảy hai bước", cho con đặt bút chì ở số bắt đầu và nhảy lại từng bước, đọc tên ô vừa đến: "6, 5". Chưa nhảy bước nào thì chưa đọc số.

2 **Đếm lùi hay đếm tiếp? Chọn cách ít bước rồi điền.**



Khi con làm sai: Con đếm lùi quá ba bước: chỉ cho con hai số ở gần nhau, ví dụ 7 và 9, rồi từ 7 đếm tiếp "8, 9", hai bước. Đếm tiếp thì số cần tìm là số bước, không phải ô cuối cùng.

3 **Đua về 0. Viết số quân cờ dừng lại sau mỗi lượt.**



Khi con làm sai: Con viết sai ô: cho con chạm bút chì dần từng ô sang trái, mỗi chấm trên xúc xắc là một bước, rồi đọc phép trừ, ví dụ "mười trừ hai bằng tám". Đi tiếp từ ô đúng.

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

Một sơ đồ, hai phép trừ



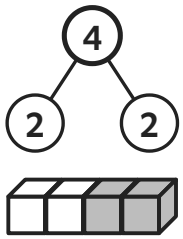
Tên bé: ..... Ngày: .....

Bố mẹ đọc trước:

- Một sơ đồ tách gộp cho hai phép trừ: 7 tách thành 5 và 2 thì 7 − 5 = 2 và 7 − 2 = 5.
- Biết phần nào thì phần ấy đứng sau dấu trừ. Một câu chuyện chỉ hợp với một trong hai phép trừ ấy.
- Bớt 0 thì còn nguyên cả nhóm: 6 − 0 = 6. Bớt hết thì không còn gì: 6 − 6 = 0.

1 Viết hai phép trừ cho mỗi sơ đồ.

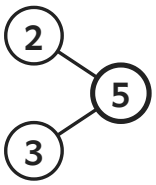
Hai phần bằng nhau thì chỉ có một phép trừ: đánh dấu vào ô vuông.



□ − □ = □

□ − □ = □

☐ Chỉ có một phép tính



□ − □ = □

□ − □ = □

☐ Chỉ có một phép tính

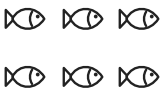
2 Bố mẹ đọc câu chuyện. Con khoanh phép trừ hợp với câu chuyện.

Bố mẹ đọc: Có 7 bông hoa, 4 bông hoa trắng. Có mấy bông hoa xám?



7 − 3 = 4 **7 − 4 = 3**

Bố mẹ đọc: Có 9 con cá. Vài con bơi đi, còn lại 6 con trong hồ. Mấy con bơi đi?



9 − 3 = 6 **9 − 6 = 3**

3 Bớt 0, bớt hết. Viết phép trừ.

Vật bị gạch là vật đã đi mất.



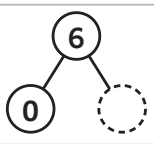
□ − □ = □



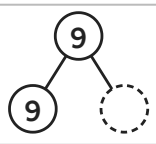
□ − □ = □

4 Nhìn sơ đồ, viết phép trừ.

Vòng trống là phần con phải tìm.



□ − □ = □



□ − □ = □

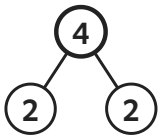
Dành cho phụ huynh: luyện tiếp bài này trong app Open Math

Quét mã bằng camera điện thoại, hoặc mở openmath.phucnt.org

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

Đáp án và mẹo cho bố mẹ

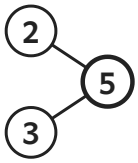
1 **Viết hai phép trừ cho mỗi sơ đồ.**



4 − 2 = 2

2 − 2 = 0

☒ Chỉ có một phép tính



5 − 2 = 3

5 − 3 = 2

☐ Chỉ có một phép tính

Khi con làm sai: Con viết một phép trừ hai lần: lấy tay che phần đã biết, cho con đếm phần còn thấy, rồi che phần kia. Biết phần nào thì phần ấy đứng sau dấu trừ. Hai phần bằng nhau thì chỉ có một phép trừ.

2 **Bố mẹ đọc câu chuyện. Con khoanh phép trừ hợp với câu chuyện.**

Bố mẹ đọc: Có 7 bông hoa, 4 bông hoa trắng. Có mấy bông hoa xám?



7 − 3 = 4 **7 − 4 = 3**

Bố mẹ đọc: Có 9 con cá. Vài con bơi đi, còn lại 6 con trong hồ. Mấy con bơi đi?



9 − 3 = 6 **9 − 6 = 3**

Khi con làm sai: Con khoanh nhầm thẻ: hỏi con "Câu chuyện cho biết phần nào?". Số ấy đứng sau dấu trừ. Câu chuyện cho biết còn lại 6 con thì 6 là phần đã biết, nên viết 9 − 6.

3 **Bớt 0, bớt hết. Viết phép trừ.**



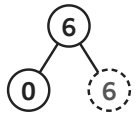
4 − 0 = 4



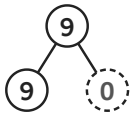
2 − 2 = 0

Khi con làm sai: Con lúng túng với số 0: hỏi con có vật nào bị gạch không. Không bớt vật nào thì vẫn còn đủ cả nhóm; bớt hết thì không còn vật nào, viết 0.

4 **Nhìn sơ đồ, viết phép trừ.**



6 − 0 = 6



9 − 9 = 0

Khi con làm sai: Chỉ vào sơ đồ và nhắc con: một phần bằng 0 thì phần kia bằng cả nhóm; một phần bằng cả nhóm thì phần kia bằng 0.

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

Bốn phép tính từ một sơ đồ

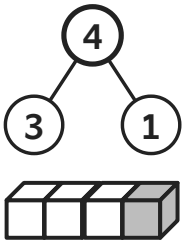


Tên bé: ..... Ngày: .....

Bố mẹ đọc trước:

- Sơ đồ 7 tách thành 4 và 3 cho bốn phép tính: 4 + 3 = 7, 3 + 4 = 7, 7 − 4 = 3, 7 − 3 = 4.
- Tìm cả nhóm thì cộng, tìm một phần thì trừ.
- Khi con chưa nhớ phép trừ, cho con nhớ phép cộng: 7 − 4 = ? giống 4 + ? = 7.

1 Viết hai phép cộng, hai phép trừ cho mỗi sơ đồ.



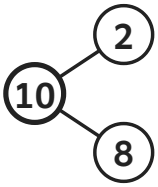
3 + 1 = ☐

1 + 3 = ☐

4 − 3 = ☐

4 − 1 = ☐

☐ Chỉ có một phép tính



☐ + ☐ = ☐

☐ + ☐ = ☐

☐ − ☐ = ☐

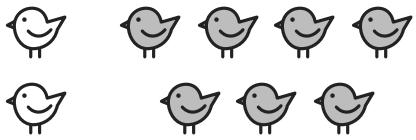
☐ − ☐ = ☐

☐ Chỉ có một phép tính

2 Điền dấu + hay − vào vòng tròn, rồi điền các ô.

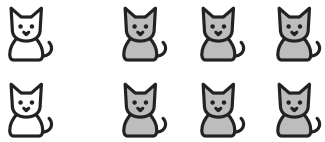
Bố mẹ đọc câu hỏi. Số cần tìm đã có sẵn sau dấu bằng.

Bố mẹ đọc: Có tất cả mấy con chim?



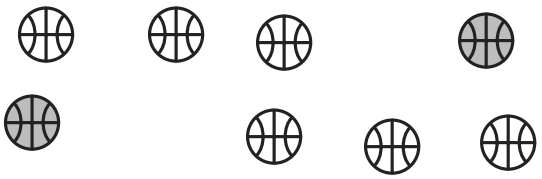
☐ ○ ☐ = 9

Bố mẹ đọc: Có mấy con mèo trắng?



☐ ○ ☐ = 2

Bố mẹ đọc: Có mấy quả bóng trắng? Có mấy quả bóng xám? Có tất cả mấy quả bóng?

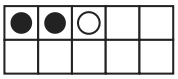


☐ ○ ☐ = 6

☐ ○ ☐ = 2

☐ ○ ☐ = 8

3 Nhớ phép cộng để làm phép trừ.



3 − 2 = ☐

2 + ☐ = 3

8 − 5 = ☐

5 + ☐ = 8

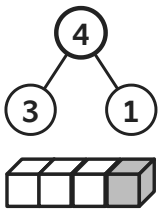
Dành cho phụ huynh: luyện tiếp bài này trong app Open Math

Quét mã bằng camera điện thoại, hoặc mở openmath.phucnt.org

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

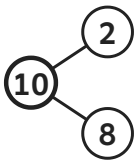
Đáp án và mẹo cho bố mẹ

① Viết hai phép cộng, hai phép trừ cho mỗi sơ đồ.



3 + 1 = 4
1 + 3 = 4
4 − 3 = 1
4 − 1 = 3

☐ Chỉ có một phép tính



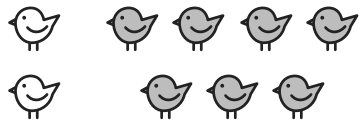
2 + 8 = 10
8 + 2 = 10
10 − 2 = 8
10 − 8 = 2

☐ Chỉ có một phép tính

Khi con làm sai: Con đặt cả nhóm sai chỗ: chỉ vào vòng cả nhóm trên sơ đồ và nói "cả nhóm đứng sau dấu bằng trong phép cộng, đứng đầu trong phép trừ". Con viết một phép tính hai lần: đổi chỗ hai phần ở phép cộng, bớt đi phần kia ở phép trừ. Các số đều lấy từ sơ đồ. Bốn phép tính viết theo thứ tự nào cũng được.

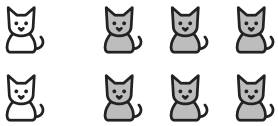
② Điền dấu + hay − vào vòng tròn, rồi điền các ô.

Bố mẹ đọc: Có tất cả mấy con chim?



2 + 7 = 9

Bố mẹ đọc: Có mấy con mèo trắng?



8 − 6 = 2

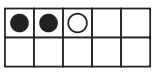
Bố mẹ đọc: Có mấy quả bóng trắng? Có mấy quả bóng xám? Có tất cả mấy quả bóng?



8 − 2 = 6
8 − 6 = 2
6 + 2 = 8

Khi con làm sai: Con chọn nhầm dấu: hỏi con "Đang tìm cả nhóm hay một phần?". Tìm cả nhóm thì cộng, tìm một phần thì trừ. Số mình đang tìm đứng một mình sau dấu bằng. Phép cộng viết 2 + 7 hay 7 + 2 đều đúng.

③ Nhớ phép cộng để làm phép trừ.



3 − 2 = 1
2 + 1 = 3

8 − 5 = 3
5 + 3 = 8

Khi con làm sai: Con chưa tìm ra: che phép trừ, cho con làm phép cộng bên dưới trước, rồi hỏi "Vậy 7 trừ 4 bằng mấy?". Có khung chấm thì cho con đếm các chấm trắng.

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

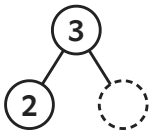
Ô trống: cả nhóm hay một phần



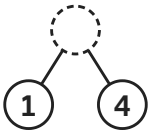
Tên bé: ..... Ngày: .....

Bố mẹ đọc trước:
- Hỏi con "Ô trống là cả nhóm hay một phần?". Cả nhóm thì gộp: □ − 3 = 4 thì □ = 3 + 4. Một phần thì trừ.
- Dấu bằng nói hai bên là cùng một số: 7 − 2 = 6 − 1 vì hai bên đều bằng 5.

1 **Điền số vào ô trống.**



3 − 2 = ☐



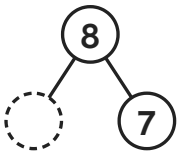
☐ − 1 = 4

0 + 5 = ☐

☐ − 4 = 3

9 = ☐ + 8

2 **Khoanh mọi thẻ tìm được số ở ô trống.**



8 = ☐ + 7

8 − 1 = ☐ | 7 + 1 = ☐ | 8 − 7 = ☐

☐ − 9 = 1

9 + 1 = ☐ | 9 − 1 = ☐ | 1 + 9 = ☐

3 **Phép tính đúng hay sai? Khoanh Đúng hoặc Sai.**

5 = 9 − 4	✓ Đúng	✕ Sai
8 − 0 = 0	✓ Đúng	✕ Sai
10 − 4 = 8 − 4	✓ Đúng	✕ Sai
6 − 2 = 7 − 3	✓ Đúng	✕ Sai

4 **Tính bên đủ số trước, rồi điền ô trống.**

7 − 4 = 4 − ☐

☐ − 2 = 3 − 1

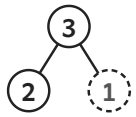


Dành cho phụ huynh: luyện tiếp bài này trong app Open Math
Quét mã bằng camera điện thoại, hoặc mở openmath.phucnt.org

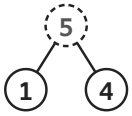
© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

Đáp án và mẹo cho bố mẹ

1 **Điền số vào ô trống.**



3 − 2 = **1**



5 − 1 = 4

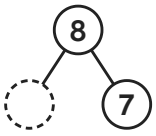
0 + 5 = **5**

7 − 4 = 3

9 = **1** + 8

Khi con làm sai: Con điền sai: hỏi con "Đây là cả nhóm hay một phần?". Cả nhóm thì gộp hai phần lại. Một phần thì lấy cả nhóm trừ phần kia. Số ở ô cả nhóm phải lớn nhất.

2 **Khoanh mọi thẻ tìm được số ở ô trống.**



8 = **1** + 7

8 − 1 = 7 · 7 + 1 = 8 · **8 − 7 = 1**

10 − 9 = 1

9 + 1 = 10 · 9 − 1 = 8 · **1 + 9 = 10**

Khi con làm sai: Con khoanh nhầm thẻ: cho con tính thẻ ấy, điền số vừa tính vào ô trống ở hàng trên, rồi cùng con đọc to cả hàng. Thẻ 8 − 1 cho 7, mà 8 = 7 + 7 là sai, nên thẻ ấy không hợp. Ô trống là cả nhóm thì gộp hai phần, dấu trừ trong hàng không có nghĩa là phải trừ.

3 **Phép tính đúng hay sai? Khoanh Đúng hoặc Sai.**

5 = 9 − 4	**✓ Đúng**	✕ Sai
8 − 0 = 0	✓ Đúng	**✕ Sai**
10 − 4 = 8 − 4	✓ Đúng	**✕ Sai**
6 − 2 = 7 − 3	**✓ Đúng**	✕ Sai

Khi con làm sai: Con khoanh Đúng cho hàng sai: chỉ vào cả nhóm và hỏi "Cả nhóm có bé hơn một phần không?". Bớt 0 thì còn nguyên. Có phép trừ ở hai bên thì cho con tính từng bên: hai bên phải là cùng một số; cùng bớt một số nhưng cả nhóm khác nhau thì phần còn lại cũng khác nhau.

4 **Tính bên đủ số trước, rồi điền ô trống.**

7 − 4 = 4 − **1**

(3) (3)

4 − 2 = 3 − 1

(2) (2)

Khi con làm sai: Con chưa tìm ra: che bên có ô trống, cho con tính bên đủ số và ghi vào ô dưới nó. Rồi hỏi "Bên kia cũng phải bằng số này, vậy ô trống là mấy?".

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

Cộng hay trừ?



Tên bé: ..... Ngày: .....

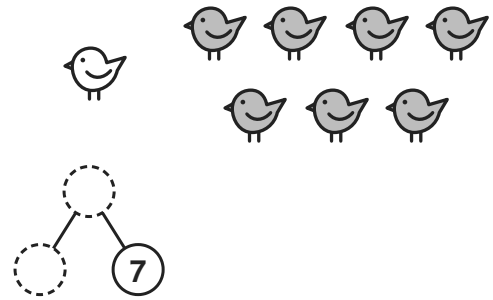
Bố mẹ đọc trước:

- Cộng hay trừ không đoán theo chữ trong bài. Con nghe hết bài, rồi tìm xem bài hỏi cả nhóm hay một phần.
- Bài hỏi cả nhóm thì cộng. Bài hỏi một phần thì lấy cả nhóm trừ phần đã biết.
- Bài có chữ "còn lại" vẫn có thể là phép cộng, bài có chữ "thêm" vẫn có thể là phép trừ.

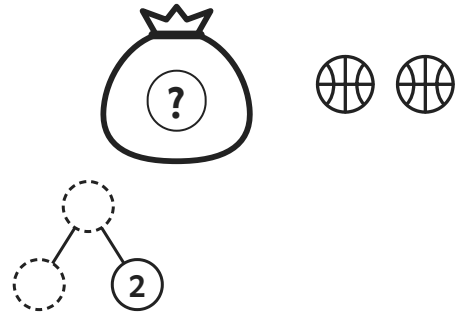
1 Bố mẹ đọc bài toán. Con điền sơ đồ, rồi viết phép tính.

Sơ đồ đã có một phần. Con viết hai số còn thiếu vào hai vòng trống.

Bố mẹ đọc: Có 8 con chim. Có 7 con chim xám. Có mấy con chim trắng?



Bố mẹ đọc: Trong túi có 4 quả bóng. Ngoài túi có 2 quả bóng. Có tất cả mấy quả bóng?



2 Bố mẹ đọc từng bài toán. Con nối bài toán với phép tính.

Có 9 quả bóng, 5 quả trắng. Có mấy quả xám?	●	● 9 − 4
Có 5 quả bóng trắng, 4 quả bóng xám. Có tất cả mấy quả?	●	● 9 − 5
Có 9 quả bóng, 4 quả xám. Có mấy quả trắng?	●	● 5 + 4

3 Bố mẹ đọc bài toán. Con khoanh phép tính đúng, rồi viết số.

Bố mẹ đọc: Mẹ cần mua 8 quả táo. Mẹ đã mua 2 quả táo. Mẹ cần mua thêm mấy quả táo?

Khoanh phép tính hợp với câu chuyện:

8 − 2 **8 + 2**

Mẹ cần mua thêm ..... quả táo.

Bố mẹ đọc: Mẹ dùng 7 quả trứng. Còn lại 1 quả trứng. Lúc đầu có mấy quả trứng?

Khoanh phép tính hợp với câu chuyện:

7 + 1 **7 − 1**

Lúc đầu có ..... quả trứng.

Dành cho phụ huynh: luyện tiếp bài này trong app Open Math

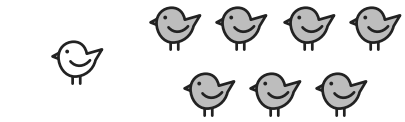
Quét mã bằng camera điện thoại, hoặc mở openmath.phucnt.org

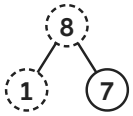
© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

Đáp án và mẹo cho bố mẹ

1 Bố mẹ đọc bài toán. Con điền sơ đồ, rồi viết phép tính.

Bố mẹ đọc: Có 8 con chim. Có 7 con chim xám. Có mấy con chim trắng?

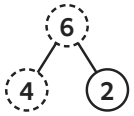




8 − 7 = 1

Bố mẹ đọc: Trong túi có 4 quả bóng. Ngoài túi có 2 quả bóng. Có tất cả mấy quả bóng?





4 + 2 = 6

Khi con làm sai: Con đặt nhầm vòng hoặc chọn nhầm dấu: đọc lại từng câu, mỗi câu hỏi con "Đó là cả nhóm hay một phần?". Số bài hỏi ở vòng cả nhóm thì cộng, ở vòng một phần thì trừ. Vật trong hộp không nhìn thấy, nhưng bài toán đã nói số.

2 Bố mẹ đọc từng bài toán. Con nối bài toán với phép tính.

Có 9 quả bóng, 5 quả trắng. Có mấy quả xám?	9 − 4
Có 5 quả bóng trắng, 4 quả bóng xám. Có tất cả mấy quả?	9 − 5
Có 9 quả bóng, 4 quả xám. Có mấy quả trắng?	5 + 4

Khi con làm sai: Con nối nhầm: hỏi con "Bài hỏi gì?". Hỏi tất cả thì nối với phép cộng. Hỏi một phần thì phần đã biết đứng sau dấu trừ.

3 Bố mẹ đọc bài toán. Con khoanh phép tính đúng, rồi viết số.

Bố mẹ đọc: Mẹ cần mua 8 quả táo. Mẹ đã mua 2 quả táo. Mẹ cần mua thêm mấy quả táo?

Khoanh phép tính hợp với câu chuyện:

8 − 2 8 + 2

Mẹ cần mua thêm 6 quả táo.

Bố mẹ đọc: Mẹ dùng 7 quả trứng. Còn lại 1 quả trứng. Lúc đầu có mấy quả trứng?

Khoanh phép tính hợp với câu chuyện:

7 + 1 7 − 1

Lúc đầu có 8 quả trứng.

Khi con làm sai: Con chọn theo chữ "còn lại" hay "thêm": hỏi con bài hỏi cả nhóm hay một phần. "Lúc đầu có mấy" là hỏi cả nhóm, nên cộng. "Cần thêm mấy" là hỏi một phần, nên trừ.

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

Bảng trừ trong phạm vi 10



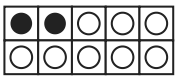
Tên bé: ..... Ngày: .....

Bố mẹ đọc trước:

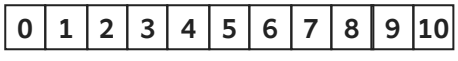
- Bảng trừ không phải điều mới: mỗi phép trừ là một cách tách số con đã biết. 9 gồm 4 và 5, nên 9 − 4 = 5.
- Cách nghĩ nhanh: bớt ít thì đếm lùi, hai số gần nhau thì đếm tiếp, còn lại thì nhớ phép cộng.
- Bớt thêm 1 thì còn lại ít đi 1: 7 − 3 = 4 nên 7 − 4 = 3.

1 Tính nhanh. Con nghĩ cách nhanh nhất cho mỗi phép trừ.

Khung mười ô: chấm đen là phần bớt đi. Dải số: đếm lùi hoặc đếm tiếp.



10 − 2 = ☐



7 − 4 = ☐

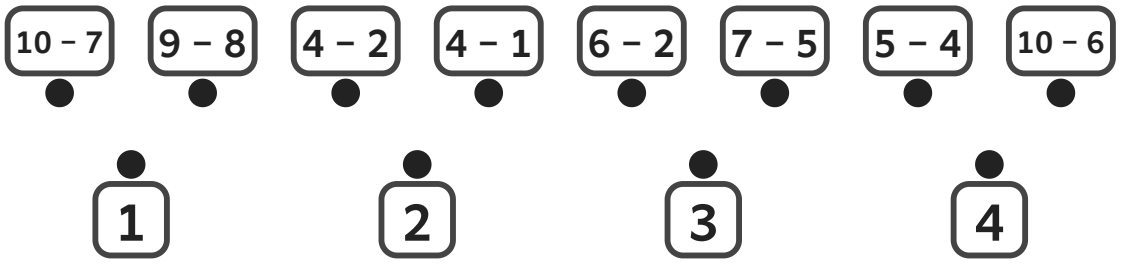
8 − 2 = ☐

5 − 0 = ☐

9 − 4 = ☐

2 Nối mỗi phép trừ với số bằng nó.

Mỗi số nối với hai phép trừ.



3 Khoanh hết các phép trừ bằng số trong khung.

Không có phép trừ nào bằng số ấy thì khoanh "Không có".

7	8 − 1	8 − 5	10 − 1	10 − 7	10 − 6
2	4 − 2	8 − 6	8 − 2	6 − 4	Không có

4 Nhìn thẻ bên cạnh, điền ô trống.

6 − 4 = 2	6 − 5 = ☐	6 − 2 = 4	6 − 3 = ☐
7 − 4 = ☐	7 − 5 = 2	7 − 2 = ☐	7 − 3 = 4
8 − 4 = 4	8 − 5 = ☐	8 − 2 = 6	8 − 3 = ☐



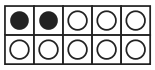
Dành cho phụ huynh: luyện tiếp bài này trong app Open Math

Quét mã bằng camera điện thoại, hoặc mở openmath.phucnt.org

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

Đáp án và mẹo cho bố mẹ

1 **Tính nhanh. Con nghĩ cách nhanh nhất cho mỗi phép trừ.**



10 − 2 = 8



7 − 4 = 3

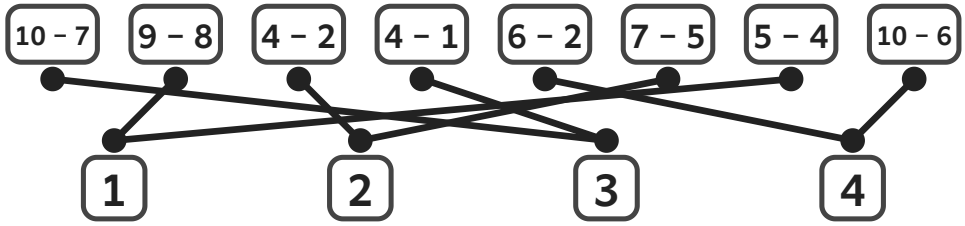
8 − 2 = 6

5 − 0 = 5

9 − 4 = 5

Khi con làm sai: Con chưa tìm ra: hỏi con "Số này gồm mấy và mấy?". Trên khung mười ô, chấm đen là phần bớt đi, chấm trắng là phần còn lại. Bớt 1, 2, 3 thì đếm lùi; hai số gần nhau thì đếm tiếp từ số bé.

2 **Nối mỗi phép trừ với số bằng nó.**



Khi con làm sai: Con nối nhầm: cho con nói "9 gồm 4 và mấy?", rồi tìm số ấy ở hàng dưới. Mỗi số ở hàng dưới có đúng hai phép trừ.

3 **Khoanh hết các phép trừ bằng số trong khung.**

7	8 − 1	8 − 5	10 − 1	10 − 7	10 − 6
2	4 − 2	8 − 6	8 − 2	6 − 4	Không có

Khi con làm sai: Con bỏ sót thẻ: cho con tính từng thẻ, đọc to "8 trừ 3 bằng 5". Có thể có nhiều thẻ cùng bằng một số.

4 **Nhìn thẻ bên cạnh, điền ô trống.**

6 − 4 = 2	6 − 5 = 1	6 − 2 = 4	6 − 3 = 3
7 − 4 = 3	7 − 5 = 2	7 − 2 = 5	7 − 3 = 4
8 − 4 = 4	8 − 5 = 3	8 − 2 = 6	8 − 3 = 5

Khi con làm sai: Con tính lại từ đầu: chỉ vào thẻ bên cạnh và hỏi "Thẻ này khác thẻ kia ở đâu?". Bớt thêm 1 thì còn lại ít đi 1. Cả nhóm thêm 1 thì còn lại nhiều lên 1.

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

Luyện tập chung: phép trừ



Tên bé: ..... Ngày: .....

Bố mẹ đọc trước:

- Phiếu ôn phép trừ trong phạm vi 10. Bài nào cũng hỏi: số nào là cả nhóm, số nào là phần?
- Cả nhóm là số lớn nhất. Biết cả nhóm và một phần thì lấy cả nhóm trừ phần ấy để ra phần kia.

1 Điền ô trống cho cả sáu phép trừ đều đúng.

Mỗi hàng và mỗi cột là một phép trừ: số đầu trừ số giữa bằng số cuối.

5 − ☐ = 4	6 − ☐ = 4	9 − 2 = ☐
− − −	− − −	− − −
2 − ☐ = ☐	☐ − 0 = 3	1 − ☐ = ☐
= = =	= = =	= = =
3 − ☐ = 2	3 − ☐ = ☐	☐ − ☐ = 7

2 Viết các thẻ vào ô, dùng hết các thẻ.

Mỗi thẻ dùng một lần. Viết dấu + hoặc − vào ô tròn.

10 9 6 2 4 1

☐ ○ ☐ = ☐

☐ ○ ☐ = ☐

8 5 9 10 2 4

☐ ○ ☐ = ☐

☐ ○ ☐ = ☐

3 Tìm quy luật của các cột, rồi điền ô trống.

Ba cột đầu đã đủ số.

9	10	9	3	8	7
1	1	7	2	6	3
8	9	2	☐	☐	☐

10	9	5	6	3	9
6	4	3	1	1	☐
4	5	2	☐	☐	8

Dành cho phụ huynh: luyện tiếp bài này trong app Open Math

Quét mã bằng camera điện thoại, hoặc mở openmath.phucnt.org

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

Đáp án và mẹo cho bố mẹ

1 Điền ô trống cho cả sáu phép trừ đều đúng.

5 − 1 = 4	6 − 2 = 4	9 − 2 = 7
2 − 0 = 2	3 − 0 = 3	1 − 1 = 0
3 − 1 = 2	3 − 2 = 1	8 − 1 = 7

Khi con làm sai: Con điền sai: chỉ hàng hoặc cột có ô ấy và đã có hai số, rồi hỏi như một phép trừ, ví dụ "Mấy trừ 6 bằng 2?". Cho con đọc to cả hàng với số vừa điền để tự thấy chỗ sai. Ô nào chưa đủ số thì tìm ô khác trước. Ô góc trên bên trái là cả nhóm, nên là số lớn nhất.

2 Viết các thẻ vào ô, dùng hết các thẻ.

10 9 6 2 4 1	8 5 9 10 2 4
1 + 9 = 10	2 + 8 = 10
6 − 2 = 4	9 − 4 = 5

Khi con làm sai: Con xếp sai: đọc to dòng chưa đúng cùng con. Hỏi "Thẻ lớn nhất có thể là một phần không?". Không, thẻ lớn nhất phải là cả nhóm: đứng cuối phép cộng hoặc đầu phép trừ. Con xếp khác đáp án mà mỗi thẻ dùng một lần và dòng nào cũng đúng thì vẫn đúng.

3 Tìm quy luật của các cột, rồi điền ô trống.

9 10 9 3 8 7	10 9 5 6 3 9
1 1 7 2 6 3	6 4 3 1 1 1
8 9 2 1 2 4	4 5 2 5 2 8

Khi con làm sai: Con điền theo kiểu số nhỏ dần từ trên xuống: chỉ vào cột đầu tiên và đọc "9 gồm 1 và 8". Ô trên cùng là cả nhóm, hai ô dưới là hai phần: con có thể vẽ cột ấy thành sơ đồ tách gộp. Ô trống là phần kia: lấy cả nhóm trừ phần đã biết.

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.